



ĐỔI MỚI VÀ HOÀN THIỆN CƠ CHẾ QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC ĐỐI VỚI DOANH NGHIỆP CÓ VỐN FDI Ở HÀ NỘI

TS PHAN TRUNG CHÍNH*

1. Thực trạng quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài ở Hà Nội.

Kể từ khi Luật Đầu tư nước ngoài được ban hành, Hà Nội với vai trò là trung tâm lớn về chính trị, kinh tế và giao dịch quốc tế của Việt Nam, luôn là địa phương đứng thứ hai về thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI). Theo Cục Đầu tư nước ngoài, tính đến hết năm 2006 (chỉ tính các dự án còn hiệu lực), Hà Nội có 757 dự án, với tổng số vốn đầu tư là hơn 10 tỉ USD, trong đó vốn đầu tư thực hiện gần 3,6 tỉ USD. Về cơ cấu FDI, so với cả nước, Hà Nội chiếm 11,11% số dự án (đứng thứ 4 sau thành phố Hồ Chí Minh, Bình Dương và Đồng Nai); chiếm 14,99% số vốn đầu tư (đứng thứ 2 sau thành phố Hồ Chí Minh); chiếm 14,22% số vốn đầu tư thực hiện (đứng thứ 3 sau thành phố Hồ Chí Minh và Đồng Nai).

Các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài (ĐTNN) ở Hà Nội đã có đóng góp quan trọng vào sự phát triển kinh tế - xã hội (KT-XH) của thành phố; là một trong những động lực góp phần thúc đẩy nhịp độ tăng trưởng nhanh và chuyển dịch cơ cấu kinh tế Thủ đô theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa (CNH-HĐH).

Có thể khái quát những kết quả chủ yếu đã đạt được trong QLNN đối với các doanh nghiệp có vốn ĐTNN trên địa bàn Hà Nội như chủ động xây dựng quy hoạch và lập danh mục dự án thu hút FDI theo kế hoạch phát triển KT-XH; ban hành cơ chế, chính

sách khuyến khích, ưu đãi đối với hoạt động FDI theo đúng khuôn khổ pháp lý; có nhiều cải cách về thủ tục hành chính trong hoạt động FDI; có nhiều đổi mới quản lý sau cấp phép; năng lực quản lý ngày một nâng cao... Những kết quả đạt được trong QLNN đối với các doanh nghiệp có vốn ĐTNN ở Hà Nội đã góp phần thu hút FDI vào Hà Nội năm 2005 và năm 2006 phục hồi rõ rệt, đồng thời đang tiếp tục tạo ra những xung lực mới về cải thiện môi trường đầu tư trên địa bàn Thủ đô. Sự thành công của các doanh nghiệp có vốn ĐTNN hoạt động tại Hà Nội đã có tác động tích cực đến quảng bá, tuyên truyền thu hút nhiều hơn nữa các nhà ĐTNN vào Hà Nội trong những năm tiếp theo.

Tuy đã có những đổi mới nhất định nhưng QLNN về kinh tế trên địa bàn Hà Nội nói chung và QLNN đối với doanh nghiệp có vốn ĐTNN nói riêng vẫn còn những vấn đề cần tháo gỡ. Thực tế đã chỉ rõ, các doanh nghiệp có vốn ĐTNN vẫn gặp nhiều khó khăn, trở ngại như thiếu mặt bằng, thủ tục hành chính còn phức tạp,... Những vướng mắc trong thực hiện QLNN đối với doanh nghiệp; trong đó, có doanh nghiệp có vốn ĐTNN đang là một trong những cản trở lớn, làm tụt hạng cạnh tranh của Hà Nội so với các địa phương khác. Kết quả chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh về môi trường kinh doanh (PCI) năm 2005 cho thấy, Hà Nội chỉ xếp ở loại khá (14/42 đơn

* Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh.

vi), đứng sau rất nhiều các địa phương khác như Bình Dương, Đà Nẵng, Vĩnh Phúc, Đồng Nai, Quảng Ninh, Phú Yên,... Năm 2006, Hà Nội tụt 26 bậc, từ 14 xuống 40 (40/64 đơn vị).

Theo khảo sát về môi trường đầu tư vừa được Tổng cục Thống kê và Ngân hàng Thế giới công bố gần đây thì Hà Nội là một trong những địa phương có môi trường đầu tư kém thân thiện nhất. Hà Nội đứng thứ 50 về môi trường đầu tư trong tổng số 63 địa phương được khảo sát. Đặc biệt, nếu xếp hạng theo chỉ tiêu các trở ngại liên quan đến hoạt động kinh doanh thì Hà Nội nằm trong top 15 địa phương... cuối cùng; còn môi trường pháp lý chỉ đứng thứ 4 từ dưới lên.

Có thể nêu thành hai nhóm nguyên nhân chính làm hạn chế QLNN đối với doanh nghiệp có vốn ĐTNN trên địa bàn Hà Nội như sau:

Thứ nhất, về cơ chế, chính sách và những quy định pháp lý của Nhà nước đối với doanh nghiệp có vốn ĐTNN. Hiện nay, quan điểm về khu vực ĐTNN chưa thực sự thống nhất và chưa được quán triệt đầy đủ ở các cấp, các ngành; môi trường đầu tư chưa hấp dẫn; môi trường kinh tế và pháp lý còn đang trong quá trình hoàn thiện nên chưa đồng bộ. Thực tế này đã được Hội nghị lần thứ chín Ban Chấp hành Trung ương 9 khoá IX chỉ rõ: Kinh tế có vốn ĐTNN còn gặp khó khăn do môi trường đầu tư chưa đủ thông thoáng, thuận lợi, nhất quán và ổn định; phần nào chưa thực sự được coi là một bộ phận cấu thành quan trọng của nền kinh tế quốc dân. Các quy định đối với doanh nghiệp có vốn ĐTNN còn nhiều bất cập, chưa thực sự đáp ứng được yêu cầu đổi mới về QLNN. Nhà nước làm thay hoặc can thiệp quá sâu vào các vấn đề thuộc quyền tự quyết của các doanh nghiệp dẫn đến gây khó khăn hơn là hỗ trợ hoặc hướng dẫn doanh nghiệp.

Thứ hai, về cơ chế, chính sách và năng lực quản lý của thành phố đối với doanh nghiệp có vốn ĐTNN. Các doanh nghiệp có vốn ĐTNN chưa được quan tâm quản lý đúng mức; chưa có giải pháp mạnh để phát

triển kinh tế có vốn ĐTNN; quan điểm, tư tưởng chỉ đạo và các biện pháp tổ chức thực hiện giữa các cấp, các ngành đối với đổi mới quản lý doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế còn có sự khác nhau; còn lúng túng về nhận thức và tổ chức triển khai; thủ tục hành chính còn phiền hà. Hà Nội chưa mạnh dạn tạo ra cơ chế, chính sách đặc thù có tính đột phá đối với phát triển kinh tế nói chung và hoạt động thu hút FDI nói riêng. Sự quan tâm của chính quyền chưa đúng mức, có lúc, có nơi còn buông lỏng. Công tác tổ chức chỉ đạo các ban, ngành có liên quan chưa sát sao. Cơ chế theo dõi, giám sát các hoạt động đối với doanh nghiệp có vốn ĐTNN chưa rõ ràng và chặt chẽ. Tổ chức bộ máy, cán bộ làm công tác QLNN đối với hoạt động FDI còn bất cập, chưa thích ứng với cơ chế thị trường. Công tác đào tạo nguồn nhân lực chưa được quan tâm đúng mức.

2. Định hướng phát triển kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài ở Hà Nội trong bối cảnh hiện nay.

Một là, cần có cơ chế, chính sách đặc thù. Hà Nội là trung tâm chính trị - hành chính quốc gia, trung tâm lớn về văn hoá, khoa học, giáo dục, kinh tế và giao dịch của cả nước nên phát triển kinh tế có vốn ĐTNN ở Hà Nội không những có ảnh hưởng lớn tới vùng kinh tế trọng điểm phía Bắc mà còn ảnh hưởng tới sự nghiệp phát triển kinh tế của cả nước. Do đó, trong phát triển kinh tế có vốn ĐTNN ở Hà Nội, Nhà nước cần có sự ưu tiên nhất định, nhất là trong việc giải quyết các vấn đề về cơ chế, chính sách đặc thù, về định hướng, về các thủ tục pháp lý.

Hai là, cần đổi mới tư duy. Để tận dụng được tối đa tiềm năng và cơ hội về thu hút FDI, điều quan trọng nhất là Hà Nội cần tiếp tục đổi mới tư duy trong hoạt động FDI cho phù hợp với tình hình mới. Sự chuyển dịch vốn FDI của thế giới trong thời đại ngày nay không chỉ giới hạn trong từng khu vực địa lý mà còn phụ thuộc rất nhiều vào địa bàn nào tạo ra được lợi thế nhất, an toàn và an ninh cho các nhà đầu tư, thủ tục hành chính đơn giản nhất, lĩnh vực đầu tư mở

rộng nhất với những sự hạn chế tối thiểu, để các ý tưởng mới của nhà đầu tư nhanh chóng biến thành cơ hội kinh doanh và được thực hiện trong một môi trường thuận lợi nhất.

Ba là, cần chú ý đến cơ sở hạ tầng mềm. Mỗi địa phương đều có những lợi thế riêng, không chỉ về mặt hạ tầng kỹ thuật và xã hội mà còn về chính sách. Xét trên mọi phương diện, Hà Nội vẫn là nơi có lợi thế tổng hợp hơn cả so với các địa phương khác trong cả nước về thu hút FDI. Tuy nhiên, Hà Nội không nên quá tập trung vào những điều kiện sẵn có mà cần chú ý đến những yếu tố khác do con người tạo ra, nếu không sẽ mất dần đi lợi thế về phát triển kinh tế có vốn ĐTNN so với các địa phương khác.

Bốn là, coi trọng hiệu quả hơn số lượng. Việc thu hút được nhiều FDI cả về số lượng dự án và số vốn đầu tư đăng kí là cần thiết nhưng chưa đủ. Bởi suy cho cùng, số lượng doanh nghiệp và số vốn đăng kí mới nói đến tiềm năng, chứ chưa phải là hiện thực. Do đó, Hà Nội cần phải coi trọng số vốn thực hiện của doanh nghiệp - đây mới chính là số vốn thực của nhà ĐTNN chuyển vào nước ta; và cần chú ý đến hiệu quả phát triển kinh tế có vốn ĐTNN phù hợp với tính đặc thù của Thủ đô.

Như vậy, rõ ràng cần có giải pháp tiếp tục đổi mới và hoàn thiện cơ chế QLNN đối với doanh nghiệp có vốn ĐTNN ở Hà Nội. Việc tiếp tục đổi mới và hoàn thiện cơ chế QLNN đối với doanh nghiệp có vốn ĐTNN ở Hà Nội cần phải đặt trong bối cảnh mới: Việt Nam gia nhập Tổ chức Thương mại Thế giới; Việt Nam ban hành hai luật mới về đầu tư và về doanh nghiệp.

Việt Nam gia nhập WTO thì QLNN đối với doanh nghiệp có vốn ĐTNN ở Hà Nội cần được đổi mới cho phù hợp với thông lệ quốc tế. Yêu cầu đặt ra là làm thế nào để tất cả những công việc liên quan đến thu hút ĐTNN được thực hiện trên cơ sở minh bạch, không phân biệt đối xử, bảo đảm môi trường cạnh tranh bình đẳng.

Với sự ra đời của *Luật Doanh nghiệp* và *Luật Đầu tư* thì phương thức QLNN đối với doanh nghiệp có vốn ĐTNN theo lối “năng

lực quản lý đến đâu thì mở đến đó” sẽ được thay thế bằng “năng lực quản lý phải được xây dựng, tăng cường đủ mức thúc đẩy và quản lý được quá trình phát triển của doanh nghiệp”. Phương thức QLNN theo hướng kiểm tra, kiểm soát là chủ yếu đang từng bước được thay thế bằng phương thức hợp tác và tạo điều kiện hỗ trợ cho doanh nghiệp là chủ yếu. Cơ chế “tiền kiểm” dần được chuyển sang cơ chế “hậu kiểm”.

3. Giải pháp tiếp tục đổi mới và hoàn thiện cơ chế quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài ở Hà Nội.

a. Nhóm giải pháp đề xuất với trung ương.

Thứ nhất, nâng cao hiệu quả thực thi pháp luật. Để tiếp tục hoàn thiện môi trường đầu tư - kinh doanh theo xu hướng hội nhập kinh tế quốc tế, năm 2005, Việt Nam đã ban hành *Luật Doanh nghiệp* áp dụng thống nhất cho tất cả các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế và *Luật Đầu tư* chung quy định về các biện pháp ưu đãi và bảo hộ đầu tư không phân biệt nhà đầu tư trong nước hay ngoài nước. Nhưng để nội dung của các luật mới đi vào cuộc sống, đòi hỏi phải có sự chuyển biến mạnh mẽ cả về tư duy, cách hành xử của cán bộ, công chức cũng như tổ chức bộ máy của các cơ quan QLNN đối với môi trường kinh doanh nói chung và ĐTNN nói riêng. Ngoài các nghị định hướng dẫn đã được ban hành, cần tiếp tục xây dựng các văn bản hướng dẫn còn thiếu và các văn bản hướng dẫn thi hành các luật mới khác có liên quan đến hoạt động đầu tư, kinh doanh của doanh nghiệp có vốn ĐTNN để các doanh nghiệp cũng như các cơ quan QLNN làm cơ sở áp dụng. Tại những văn bản này, cần quy định thật cụ thể, rõ ràng đầy đủ, nhất là về các thủ tục gia nhập thị trường đối với doanh nghiệp có vốn ĐTNN theo hướng: doanh nghiệp được tự do kinh doanh trong những lĩnh vực mà pháp luật không cấm; còn cán bộ QLNN chỉ được làm những gì mà pháp luật quy định.

Thứ hai, tăng cường tính minh bạch của pháp luật. Tình trạng thiếu minh bạch và

không công khai sẽ tạo ra kẽ hở cho việc lợi dụng để hành động trái pháp luật. Vì vậy, tính minh bạch và công khai của cơ chế, chính sách, pháp luật là một yêu cầu đối với nhà nước hiện đại. Minh bạch trong mọi văn bản pháp quy của Nhà nước để mọi người đều có nhận thức đúng. Công khai trên các phương tiện truyền thông đại chúng, phổ biến rộng rãi cho mọi người dân các quy định của Nhà nước để họ thi hành một cách tự giác và tham gia vào quá trình giám sát các cơ quan nhà nước.

Thứ ba, nâng cao hiệu quả cơ chế phân cấp quản lý. Nhà nước cho phép các địa phương chủ động tạo môi trường thông thoáng, hấp dẫn cho các nhà đầu tư; chủ động tháo gỡ vướng mắc, khó khăn, tạo thuận lợi tối đa cho các nhà đầu tư, các doanh nghiệp hoạt động kinh doanh nhưng phải tuân thủ luật pháp và sự điều hành chung của Nhà nước. Việc một số địa phương ban hành chính sách, chế độ ưu đãi vượt so với quy định chung của Nhà nước như thời hạn miễn giảm tiền thuê đất, giảm tiền thuế đất, miễn giảm thuế thu nhập doanh nghiệp, chính sách thu hút nguồn nhân lực... đã gây nên tình trạng lộn xộn và cạnh tranh không lành mạnh giữa các địa phương trong nước. Để chính sách phân cấp thực sự mang lại hiệu quả, cần bảo đảm một số điều kiện sau: bảo đảm tính thống nhất về chủ trương, chính sách của Nhà nước, không để tình trạng cùng một chủ trương mà các nơi lại thực hiện khác nhau, tạo ra một môi trường cạnh tranh không lành mạnh; khi tiến hành phân cấp cần bảo đảm các điều kiện cần thiết để thực hiện, bao gồm các điều kiện về pháp chế, tài chính, cán bộ, quy hoạch chi tiết, lộ trình cụ thể...; cơ quan phân cấp cần có kế hoạch kiểm tra sau phân cấp, đặc biệt, nên thiết kế một chương trình kiểm tra tự động trên mạng quản lý điện tử.

Thứ tư, đổi mới tư duy về quản lý và cách thức giám sát. Cần đổi mới tư duy quản lý theo hướng chuyển từ cách nghĩ quản lý được đến đâu mở đến đó, sang quản lý phải theo kịp sự phát triển. Nhà nước không thể duy trì mãi cách “đắt tay, chỉ việc” mà phải đặt niềm tin vào doanh

nh nghiệp và tinh thần kinh doanh của họ. Nhà nước cũng cần giữ đúng vị trí, vai trò của người quản lý để đảm bảo duy trì trật tự, kỷ cương hoạt động kinh doanh nhằm giúp cộng đồng doanh nghiệp ngày càng mạnh lên, phát triển tốt hơn. Đồng thời, huy động các đối tượng khác trong xã hội tham gia vào quá trình giám sát hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp như: kiểm tra, giám sát trong chính nội bộ doanh nghiệp, kiểm tra giám sát từ các chủ nợ, từ người tiêu dùng, hiệp hội người tiêu dùng, từ các đối thủ cạnh tranh, các hiệp hội ngành nghề, từ xã hội và công luận,... Tuy nhiên, Nhà nước phải là nhân tố trung tâm trong quá trình giám sát hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, có vai trò quan trọng trong việc bảo đảm lợi ích chung của toàn xã hội.

b. Nhóm giải pháp đề xuất với thành phố.

Thứ nhất, nâng cao chất lượng công tác quy hoạch và kế hoạch. Mục tiêu cơ bản của việc thu hút và quản lý FDI ở Hà Nội là nhằm tăng thêm nguồn lực cho sự nghiệp CNH-HĐH, đổi mới và nâng cao trình độ công nghệ, tạo điều kiện thâm nhập vào thị trường thế giới và học tập kỹ năng quản lý trên cơ sở khai thác có hiệu quả các lợi thế của Thủ đô. Để đạt được những mục tiêu trên, điều đặc biệt quan trọng là phải xác định rõ ràng và có luận cứ khoa học các lĩnh vực cần ưu tiên phát triển. Mọi sự dàn trải trong đầu tư đều dẫn tới làm chậm nhịp độ phát triển KT-XH Thủ đô. Để công tác quy hoạch và kế hoạch thu hút FDI sát với tình hình thực tế, cần chú trọng công tác dự báo, cập nhật thông tin thị trường trong nước và quốc tế; tăng tính mở, tính linh hoạt trong các phương án để dễ thích ứng với sự thay đổi nhanh chóng của thị trường và xu hướng vận động các dòng FDI trên phạm vi toàn cầu và trong từng khu vực.

Thứ hai, cải tiến phương thức vận động xúc tiến đầu tư. Các cơ quan QLNN cần phải coi xúc tiến đầu tư là chức năng đầu tiên của mình. Trong bối cảnh cạnh tranh về thu hút vốn FDI giữa các nước, các địa phương ngày càng gay gắt, đòi hỏi Hà Nội

KINH NGHIỆM THỰC TIỄN

cần tiếp tục đổi mới, cải tiến mạnh phương thức vận động xúc tiến đầu tư thì mới tranh thủ được nhiều nguồn vốn FDI, các tập đoàn đa quốc gia. Theo đó, cần tập trung xây dựng một chiến lược cụ thể về xúc tiến đầu tư gồm các bước cơ bản: xác định các cơ sở để xây dựng chiến lược xúc tiến đầu tư; xác định ngành nghề và khu vực ưu tiên thu hút đầu tư; xây dựng chương trình xúc tiến và cơ chế chính sách đầu tư; xây dựng kế hoạch hành động; đánh giá hiệu quả. Bên cạnh cách thức xúc tiến đầu tư theo đối tác, địa bàn, lĩnh vực thu hút FDI, khi vận động xúc tiến đầu tư vào Hà Nội, cần phân làm 3 đối tượng sau: nhà đầu tư tiềm năng, nhà đầu tư chuẩn bị tiến hành đầu tư và nhà đầu tư đã có dự án.

Thứ ba, đột phá khâu cải cách thủ tục hành chính. Các cơ quan nhà nước cần có tư duy phù hợp hơn về hoạt động đầu tư và kinh doanh của doanh nghiệp có vốn ĐTNN theo hướng đảm bảo vừa là lợi ích, vừa là trách nhiệm của họ. Cơ quan QLNN cần nhận thức, quán triệt quan điểm phục vụ trong chỉ đạo thực hiện cải cách thủ tục hành chính là nhiệm vụ trung tâm theo hướng tìm cách đơn giản hoá thủ tục hành chính tới mức cao nhất, đem lại thuận lợi nhất cho doanh nghiệp. Trên cơ sở đó, mọi thủ tục hành chính cần hướng vào việc tạo thuận lợi cho hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp có vốn ĐTNN. Các thủ tục hành chính đối với doanh nghiệp có vốn ĐTNN cần được thiết kế theo hướng dễ doanh nghiệp thực hiện với thời gian ngắn nhất và chi phí thấp nhất. Từ điều này sẽ tìm ra nhiều cách sáng tạo thực hiện.

Thứ tư, hoàn thiện cơ chế hậu kiểm. Trước đây, cơ chế quản lý tập trung vào các thủ tục tiếp nhận hồ sơ, cấp giấy phép và thực hiện nghĩa vụ đối với Nhà nước; trong đó, công tác quản lý dự án hầu như mới chỉ chú trọng vào khâu thẩm định dự án để cấp giấy phép, tức “tiền kiểm”. Hiện nay, theo xu thế mới, đòi hỏi QLNN phải chuyển từ “tiền kiểm” sang “hậu kiểm”, tức là kiểm tra, đánh giá kết quả thực hiện dự án sau cấp phép. Đến nay, Hà Nội có hơn 700 doanh nghiệp có vốn ĐTNN đang hoạt động, với tổng vốn đầu tư còn hiệu lực là

hơn 10 tỉ USD. Với số lượng doanh nghiệp và khối lượng vốn ngày một tăng như vậy, nếu không làm tốt công tác “hậu kiểm” sẽ dễ dẫn đến “sơ sểnh” trong công tác QLNN. Một công nghệ “hậu kiểm” có hiệu quả cao cần được cụ thể hóa bằng các văn bản pháp quy. Nếu không sẽ dẫn đến tình trạng đùn đẩy trách nhiệm của cá nhân, tổ chức.

Thứ năm, chú trọng đào tạo nguồn nhân lực. Thực tế gần 20 năm qua cho thấy, có rất nhiều trường hợp, sự đổ vỡ của các doanh nghiệp có vốn ĐTNN nói chung và các doanh nghiệp liên doanh nói riêng bắt nguồn từ sự yếu kém của cán bộ quản lý. Do vậy, cần phải chú ý đào tạo cho được một đội ngũ cán bộ người Việt Nam, nhất là những cán bộ lãnh đạo, quản lý hoạt động FDI nói chung, trong các doanh nghiệp liên doanh nói riêng, thật sự có năng lực và phẩm chất tốt. Song song với công tác đào tạo cán bộ, cần chú trọng tổ chức đào tạo công nhân lành nghề làm việc cho các doanh nghiệp có vốn ĐTNN theo các chương trình phù hợp nhu cầu và triển vọng sử dụng thực tế số lao động này. Khuyến khích và có quy định cụ thể đối với các doanh nghiệp có vốn ĐTNN về đào tạo tay nghề, nhất là huấn luyện kỹ thuật; có chính sách yêu cầu các doanh nghiệp có vốn ĐTNN có kế hoạch đào tạo công nhân và cán bộ quản lý doanh nghiệp □

Tài liệu tham khảo:

1. Đảng Cộng sản Việt Nam (2004): Văn kiện Hội nghị lần thứ chín BCH TƯ khóa IX, NXB CTQG, Hà Nội.
2. Một số quy định mới của pháp luật về đầu tư nước ngoài tại Việt Nam, NXB CTQG, H. 2003.
3. Thành uỷ Hà Nội (2004): *Các thành phần kinh tế ở Hà Nội - Quá trình đổi mới, phát triển và định hướng đến năm 2010* (Đề tài MS: 01X-13/01-2003-2), Hà Nội.
4. Thành uỷ Hà Nội (2005), *Hai mươi năm đổi mới ở Thủ đô Hà Nội, định hướng phát triển đến năm 2010*, NXB Hà Nội.
5. Thành uỷ Hà Nội (2006): Văn kiện Đại hội Đại biểu lần thứ XIV Đảng bộ thành phố Hà Nội.
6. Thay thế giấy phép kinh doanh bằng một hệ thống giám sát pháp lý, VCCI, Quý châu Á. H. 2002.